

UBND TỈNH HOÀ BÌNH
**BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG
THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **74** /BCH-VP

V/v rà soát cập nhật phương án ứng phó thiên
tai trên địa bàn tỉnh Hoà Bình

Hoà Bình, ngày **29** tháng 7 năm 2021

Kính gửi: Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo Trung ương
về Phòng chống thiên tai.

Căn cứ Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hoà Bình về việc phê duyệt phương án ứng phó thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Hoà Bình;

Căn cứ Công văn số 313/VPTT ngày 30/6/2021 của Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai về việc rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai,

Theo phương án ứng phó thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình phê duyệt và thực hiện rà soát, tổng hợp số liệu, Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Hoà Bình cung cấp số liệu rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai (*có phụ lục chi tiết gửi kèm theo*).

Đề nghị Văn phòng thường trực Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng ban; (B/c)
- Phó TB - Nguyễn Huy Nhuận;
- Sở NN&PTNT;
- Chánh, phó Chánh VP;
- Lưu: VT, BCH (Tr,08b).

**TL. TRƯỞNG BAN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Trần Quốc Toàn

Phụ lục 2:

SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ THEO CÁC CẤP BÁO ĐỘNG LỬ TỈNH HOÀ BÌNH

(Kèm theo Công văn số **74** /BCH-VP ngày **29** /7/2021 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Hoà Bình)

TT	Huyện/Xã	Trên báo động 3				Trên báo động 3 +1m				Trên lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
	Tổng số	1.305	4.805			1.437	5.290			1.495	5.465		
I	Thành phố Hoà Bình	185	649			317	1.134			375	1.309		
1	Phường Thái Bình	49	103			49	103			49	103		
2	Phường Kỳ Sơn					29	65			47	115		
3	Phường Thịnh Lang					75	300			75	300		
4	Phường Phương Lâm									40	125		
5	Phường Đồng Tiến	25	105			25	105			25	105		
6	Phường Quỳnh Lâm	15	67			15	67			15	67		
7	Phường Dân Chủ					12	50			12	50		
8	Phường Tân Thịnh					16	70			16	70		
9	Phường Thịnh Lang	22	90			22	90			22	90		
10	Phường Tân Hoà	17	53			17	53			17	53		
11	Xã Hoà Bình	4	15			4	15			4	15		
12	Xã Thịnh Minh	23	92			23	92			23	92		
13	Xã Hợp Thành	30	124			30	124			30	124		
II	Huyện Kim Bôi	168	691			168	691			168	691		
1	Xã Bình Sơn	25	105			25	105			25	105		
2	Xã Xuân Thủy	28	124			28	124			28	124		
3	Xã Kim Bôi	34	145			34	145			34	145		
4	Xã Sào Báy	26	113			26	113			26	113		
5	Xã Mỹ Hoà	17	54			17	54			17	54		
6	Xã Nam Thượng	6	20			6	20			6	20		
7	Thị trấn Bo	32	130			32	130			32	130		
III	Huyện Lạc Thủy	106	419			106	419			106	419		

TT	Huyện/Xã	Trên báo động 3				Trên báo động 3 +1m				Trên lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
1	Xã Yên Bồng	18	62			18	62			18	62		
2	Xã Khoan Dụ	14	58			14	58			14	58		
3	Xã Hưng Thi	25	98			25	98			25	98		
4	Xã Phú Thành	20	82			20	82			20	82		
5	Xã Phú Nghĩa	18	75			18	75			18	75		
6	Thị trấn Chi Nê	11	44			11	44			11	44		
IV	Huyện Lạc Sơn	226	809			226	809			226	809		
1	Thị trấn Vụ Bản	45	137			45	137			45	137		
2	Xã Xuất Hoá	24	92			24	92			24	92		
3	Xã Hương Nhượng	32	101			32	101			32	101		
4	Xã Tân Mỹ	27	110			27	110			27	110		
5	Xã Vũ Lâm	31	95			31	95			31	95		
6	Xã Ân Nghĩa	38	154			38	154			38	154		
7	Xã Yên Phú	17	68			17	68			17	68		
8	Xã Nhân Nghĩa	12	52			12	52			12	52		
V	Huyện Lương Sơn	245	985			245	985			245	985		
1	Thị trấn Lương Sơn	42	165			42	165			42	165		
2	Xã Cao Sơn	14	64			14	64			14	64		
3	Xã Hoà Sơn	12	48			12	48			12	48		
4	Xã Liên Sơn	8	35			8	35			8	35		
5	Xã Cao Rầm	45	170			45	170			45	170		
6	Xã Tân Vinh	52	213			52	213			52	213		
7	Xã Nhuận Trạch	46	198			46	198			46	198		
8	Xã Thanh Cao	26	92			26	92			26	92		
VI	Huyện Yên Thủy	375	1.252			375	1.252			375	1.252		
1	Xã Lạc Sỹ	45	130			45	130			45	130		
2	Xã Bảo Hiệu	24	102			24	102			24	102		
3	Xã Hữu Lợi	20	81			20	81			20	81		

TT	Huyện/Xã	Trên báo động 3				Trên báo động 3 +1m				Trên lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
4	Xã Đoàn Kết	210	630			210	630			210	630		
5	Xã Ngọc Lương	40	162			40	162			40	162		
6	Xã Phú Lai	21	85			21	85			21	85		
7	Xã Đa Phúc	15	62			15	62			15	62		

**BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG
THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

Phụ lục 3

Tổng hợp thông tin địa điểm sơ tán dân tập trung trên địa bàn tỉnh Hoà Bình
(Kèm theo Công văn số **74** /BCH-VP ngày **29** /7/2021 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Hoà Bình)

TT	Địa điểm	Vị trí				Phạm vi di chuyển đến (km)	Sức chứa (người/m ²)	Trang bị phòng chống dịch covid (Khẩu trang, sát khuẩn)
		Hội trường xã	Nhà Văn hóa	Trường học	Trụ sở tôn giáo			
1	Lương Sơn	x	x	x	x		10.850	x
2	Lạc Thủy	x	x	x	x		1.550	x
3	Yên Thủy	x	x	x	x		1.600	x
4	Tân Lạc	x	x	x	x		23.250	x
5	Kim Bôi	x	x	x	x		36.425	x
6	Lạc Sơn	x	x	x	x		11.650	x
7	Cao Phong	x	x	x	x		18.270	x
8	Mai Châu	x	x	x	x		32.400	x
9	Đà Bắc	x	x	x	x		7.750	x
10	TP Hoà Bình	x	x	x	x		75.400	x
11	Tổng số						219.145	

**BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TỈNH HOÀ BÌNH**

Phụ lục 7

TỔNG HỢP SỐ LIỆU LỒNG BÈ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TỈNH HOÀ BÌNH

(Kèm theo Công văn số **74** /BCH-VP ngày **29** /7/2021 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Hoà Bình)

TT	Địa bàn	Tổng số		Số lượng		Khu vực
		Lồng, bè (cái)	Số người	Lồng (cái)	Số người	nuôi trồng
II	NƯỚC NGỌT	4.700		4.700		
1	Thành phố Hoà Bình	1.010		1.010		Phường Thái Bình, xã Hoà Bình
2	Huyện Đà Bắc	1.927		1.927		Các xã: Hiền Lương, Vây Nưa, Tiền Phong, Yên Hoà
3	Huyện Cao Phong	560		560		Các xã Bình Thanh, Thung Nai
4	Huyện Mai Châu	584		584		Các xã: Sơn Thủy, Tân
5	Huyện Tân Lạc	600		600		Xã Suối Hoa
6	Huyện Lạc Sơn	5		5		
7	Huyện Lạc Thủy	14		14		Thị Trấn Chi Nê

**BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG THIÊN
TẠI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TỈNH HOÀ
BÌNH**

Phụ lục 8

TỔNG HỢP SỐ LIỆU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CHÍNH TỈNH HOÀ BÌNH

(Kèm theo Công văn số **74** /BCH-VP ngày **29** /7/2021 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Hoà Bình)

TT	Địa bàn	Lúa	Hoa màu	Cây lâu năm	Rừng sản xuất	Đàn gia súc (1000 con)	Đàn gia cầm (1000con)
		(ha)	(ha)	(ha)	(ha)		
1	Thành phố Hoà Bình	1.100	786	1.886	590	38,0	472,6
2	Huyện Đà Bắc	1.020	1.650	2.810	800	41,8	369,6
3	Huyện Mai Châu	1.213	2.617	3.830	150	52,6	324,1
4	Huyện Lương Sơn	2.300	1.456	4.106	650	81,9	1.485,2
5	Huyện Cao Phong	600	1.708	2.358	100	27,7	337,6
6	Huyện Kim Bôi	3.100	3.095	7.480	800	77,8	756,1
7	Huyện Tân Lạc	2.700	2.074	5.165	400	68,0	945,1
8	Huyện Lạc Sơn	5.100	2.650	8.000	800	110,0	1.350,2
9	Huyện Lạc Thủy	1.633	1.932	3.898	830	73,4	946,5
10	Huyện Yên Thủy	2.690	1.935	6.114	500	79,3	1.013,1

**BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TỈNH HOÀ BÌNH**

Phụ lục 10

**PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN VÙNG NGUY CƠ CAO VỀ SẠT LỞ ĐẤT, LŨ
QUÉT TỈNH HOÀ BÌNH**

(Kèm theo Công văn số **74** /BCH-VP ngày **29** /7/2021 của Ban chỉ huy
PCTT&TKCN tỉnh Hoà Bình)

TT	Tỉnh Hoà Bình	Sạt lở, lũ, lũ quét	
		Số hộ	Số người
I	Thành phố Hoà Bình	217	868
1	Phường Thái Bình	90	360
2	Phường Thống Nhất	100	400
3	Phường Tân Thịnh	27	108
4	Phường Phương Lâm	40	160
5	Phường Đồng Tiến	120	480
6	Phường Trung Minh	213	852
7	Phường Quỳnh Lâm	30	120
8	Xã Hòa Bình	45	180
9	Xã Yên Mông	8	32
10	Phường Kỳ Sơn	15	60
11	Xã Mông Hóa	8	32
12	Xã Độc :Lập	2	8
13	Xã Hợp Thành	27	108
II	Huyện Lương Sơn	90	368
1	Xóm Nước Vải	37	156
2	Xã Liên Sơn	32	128
3	Xã Cao Sơn	21	84
III	Huyện Yên Thủy	121	526
1	Xã Lạc Sỹ	23	122
2	Xã Bảo Hiệu	24	102
3	Xã Hữu Lợi	20	81
4	Xã Lạc Thịnh	39	161
5	Xã Đa Phúc	15	60
IV	Huyện Kim Bôi	380	1.318
1	Xã Đú Sáng	15	60
2	Xã Bình Sơn	8	28
3	Xã Tú Sơn	15	60
4	Xã Vĩnh Tiến	15	62
5	Xã Hùng Sơn	24	96
6	Xã Hợp Tiến	30	120
7	Xã Đông Bắc	30	120
8	Xã Vĩnh Đồng	25	102
9	Xã Xuân Thủy	16	54
10	Thị trấn Bo	32	128
11	Xã Kim Lập	9	31
12	Xã Kim Bôi	25	50

TT	Tỉnh Hoà Bình	Sạt lở, lũ, lũ quét	
		Số hộ	Số người
13	Xã Cuối Hạ	32	100
14	Xã Nuông Dăm	18	56
15	Xã Nam Thượng	35	120
16	Xã Sào Báy	24	75
17	Xã Mỹ Hoà	27	56
V	Huyện Tân Lạc	166	667
1	Xã Phú Cường	52	208
2	Xã Vân Sơn	54	215
3	Xã Ngọc Mỹ	28	120
4	Xã Đông Lai	32	124
VI	Huyện Lạc Sơn	418	1862
1	Thị trấn Vụ Bản	20	100
2	Xã Ân Nghĩa	47	235
3	Xã Yên Nghiệp	123	615
4	Xã Quý Hoà	137	548
5	Xã Quyết Thắng	65	260
6	Xã Vũ Bình	26	104
VII	Huyện Mai Châu	736	2944
1	Xã Tân Thành	126	504
2	Xã Sơn Thủy	186	744
3	Xã Thành Sơn	59	236
4	Xã Nà Phòn	36	144
5	Xã Toòng Đậu	66	264
6	Thị trấn Mai Châu	55	220
7	Xã Chiềng Châu	80	320
8	Xã Vạn Mai	80	320
9	Xã Cùn Pheo	20	80
10	Xã Mai Hạ	28	112
VIII	Huyện Cao Phong	426	1938
1	Xã Hợp Phong	90	360
2	Xã Thạch Yên	106	424
3	Xã Thung Nai	94	474
4	Xã Bình Thanh	114	570
5	Xã Tây Phong	7	35
6	Xã Nam Phong	15	75
IX	Huyện Đà Bắc	157	603
1	Xã Nánh Nghê	34	154

TT	Tỉnh Hoà Bình	Sạt lở, lũ, lũ quét	
		Số hộ	Số người
2	Xã Đồng Chum	16	79
3	Xã Mường Chiềng	39	117
4	Xã Đồng Ruộng	21	71
5	Xã Tiên Phong	33	125
6	Xã Vầy Nưa	14	57

**BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG
THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU
NẠN TỈNH HOÀ BÌNH**

Phụ lục 11:

VẬT TƯ, PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ỨNG PHÓ THIÊN TAI TỈNH HOÀ BÌNH

(Kèm theo Công văn số ~~74~~ TBCH-VP ngày 29/7/2021 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Hoà Bình)

TT	Đối tượng	Đơn vị	Tổng	Công an tỉnh	Bộ CHQS tỉnh	Huyện Lương Sơn	Huyện Lạc Thủy	Huyện Yên Thủy	Huyện Tân Lạc	Huyện Lạc Sơn	Huyện Mai Châu	Huyện Cao Phong	Huyện Kim Bôi	Huyện Đà Bắc	TP. Hoà Bình
1	Xe cứu hộ	Chiếc	24	3	3	2	2	1	1	3	1	2	2	2	2
2	Tàu TKCN	Chiếc	37	8	8	1	3	3			1	4	2	3	4
3	Nhà bạt 16,5 m ²	Bộ	126	24	24	8	7	7	7	9	7	6	10	9	8
4	Nhà bạt 24,75 m ²	Bộ	41	18	23										
5	Nhà bạt 60 m ²	Bộ	19	12	7										
6	Phao tròn	Cái	3170	200	300	260	260	200	300	150	250	300	250	300	400
7	Phao áo	Cái	3178	200	308	260	260	200	300	150	250	300	250	300	400
8	Phao bè	Cái	8		8										
9	Máy phát điện	Cái	3	2											1
10	Thiết bị chữa cháy	Bộ	2	2											
11	Bao tải dứa	Chiếc	12407	500	357	1200	1150	1000	1300	1150	1050	950	1300	1200	1250
12	Rọ thép	Chiếc	4087			425	395	401	405	385	411	425	415	325	500
13	Xăng	Chiếc	552			55	47	56	52	54	55	42	51	55	85
14	Cước	Chiếc	331			32	29	30	34	35	31	26	35	29	50

BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ
TÌM KIẾM CỨU NẠN TỈNH HOÀ BÌNH

Phụ lục 13:

**NGUỒN NHÂN LỰC HUY ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI NĂM 2021 TỈNH
HOÀ BÌNH**

(Kèm theo Công văn số **74**/BCH-VP ngày **29** /7/2021 của Ban chỉ huy
PCTT&TKCN tỉnh Hoà Bình)

TT	LỰC LƯỢNG	TỔNG CỘNG (người)
I	Cấp tỉnh	959
1	Thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	33
2	Thành viên VPTT BCH PCTT và TKCN	16
3	Quân sự	210
4	Công an	200
5	Các lực lượng hiệp đồng khác	500
II	Cấp huyện	7.520
1	Thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	300
2	Thành viên VPTT BCH PCTT và TKCN	100
3	Quân sự	5.280
4	Công an	1.500
5	Đoàn thanh niên (TNKK)	300
6	Hội Chữ thập đỏ	20
7	Hội Liên hiệp Phụ nữ	20
III	Cấp xã	9.815
1	Thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN	3.020
2	Đội xung kích PCTT	6.040
3	Công an	453
7	Hội Chữ thập đỏ	151
8	Hội Liên hiệp Phụ nữ	151

**BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG
THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU
NẠN TỈNH HOÀ BÌNH**

Phụ lục 14: THÔNG TIN VỀ NHU YẾU PHẨM TỈNH HOÀ BÌNH

(Kèm theo Công văn số **74** /BCH-VP ngày **20** /7/2021 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Hoà Bình)

T T	PHẠM VI	Lương thực, thực phẩm			Nước uống đóng chai	Nhiên liệu			Dữ trữ phòng chống dịch Cơ sở
		Lương khô	Mì tôm	Gạo		Chất đốt	Dầu Diesel	Xăng	
		thùng	thùng	kg		kg	lít	lít	
1	Trên toàn tỉnh	650	250.000	65.000	3.500		35.000	45.000	1.680

**BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG
THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

Phụ lục 15:

NGUỒN NHÂN LỰC TẠI VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC BCH PCTT CÁC CẤP TỈNH HOÀ BÌNH

(Kèm theo Công văn số **74** /BCH-VP ngày **29** /7/2021 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Hoà Bình)

TT	Tỉnh	Dưới đại học	Trình độ Đại học	Trên Đại học		Tổng	Kinh nghiệm trên 10 năm	Kinh nghiệm 5-10 năm	Ghi chú
				ĐT trong nước	ĐT nước ngoài				
I. CẤP TỈNH HOÀ BÌNH									
1	Văn phòng TT của Ban PCTT cấp tỉnh	2	9	6		17	5	4	
II. CẤP HUYỆN									
1	Văn phòng TT của Ban PCTT cấp huyện	3	23	7		33	7	10	

**BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG
THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU
NẠN TỈNH HOÀ BÌNH**

Phụ lục 16
CÁC TRẬN LŨ QUÉT, SẠT LỞ ĐẤT LỚN ĐÃ XẢY RA TỪ 2016 ĐẾN 2020
TẠI TỈNH HOÀ BÌNH

1. Thông tin về các trận lũ quét, sạt lở đất đã xảy ra từ năm 2016 đến 2020:

TT	Thời gian xảy ra (Ngày/tháng/năm)	Địa điểm <i>Thôn (bản)/Xã/huyện</i>	Nguyên nhân chính	Thiệt hại	Ảnh hưởng đến cuộc sống người dân và phát triển KTXH	Nguy cơ xảy ra tiếp
I	Lũ quét, sạt lở đất					
1	09-12/10/2017	- Xã Phú Cường, huyện Tân Lạc; - Các xã: Nánh Nghê, Mường Chiềng, Đồng Ruộng, Tiền Phong, Vây Nưa huyện Đà Bắc; - các xã: Vĩnh Đồng, Tú Sơn, Hạ Bì, huyện Kim Bôi - xã Tuấn Đạo, huyện Lạc Sơn; - các xã: Bảo Hiệu, Lạc Sỹ huyện Yên Thủy; - Các xã: Hoà Bình, phường Thái Bình, phường Chăm Mát - Các xã: Tân Mai, Tân Dân, Phúc Sạn, Mai Hịch huyện Mai Châu	Mưa lũ lớn, kéo dài, dồn dập với tần suất mưa lớn	- Số người: 34 người chết và mất tích; - Nhà cửa: 1222 nhà bị hư hỏng, 3614 nhà bị ngập nước, 1429 nhà phải di dời khẩn cấp; - Diện tích sản xuất nông nghiệp: hư hỏng 30158 ha lúa, hoa màu, cây trồng; 4849 con gia súc bị chết; 184745 con gia cầm bị cuốn trôi; - hàng trăm công trình giao thông, thuỷ lợi, công cộng bị hư hỏng	Ảnh hưởng nặng nề đến đời sống người dân và phát triển KTXH trên địa bàn tỉnh	Đã bố trí, sắp xếp ổn định dân cư cho các hộ dân tại các khu vực bị sạt lở đến nơi ở mới an toàn; Các khu vực đã bị sạt lở vẫn tiềm ẩn nguy cơ sạt lở, lũ quét khi có mưa lũ lớn xảy ra.

TT	Thời gian xảy ra (Ngày/tháng/năm)	Địa điểm Thôn (bản)/Xã/ huyện)	Nguyên nhân chính	Thiệt hại	Ảnh hưởng đến cuộc sống người dân và phát triển KTXH	Nguy cơ xảy ra tiếp
II	Sạt lở đất					
1	Tháng 8/2018	Phường Đồng Tiến, Kỳ Sơn, thành phố Hoà Bình	Mưa lớn kéo dài	- Nhà cửa: Ảnh hưởng đến 36 hộ dân phải di dời đến khu vực an toàn; - Các công trình công cộng: khu vực tổ 26 phường Đồng Tiến sạt lở có nguy cơ xói lở làm ảnh hưởng đến tuyến đường Quốc lộ 6; sạt lún tại lý trình km 3, đường tỉnh 445 thuộc khu vực xóm Máy Giấy, phường Kỳ Sơn làm hư hỏng mặt đường tỉnh 455.	Ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân	Đã xây dựng phương án ổn định đảm bảo an toàn cho người dân và công trình công cộng Các khu vực đã bị sạt lở vẫn tiềm ẩn nguy cơ sạt lở, lũ quét khi có mưa lũ lớn xảy ra.
2	Tháng 10/2020	Xóm Rỗng Vòng, xã Lâm Sơn, huyện Lương Sơn	Các đợt mưa lớn liên tiếp xảy ra qua các năm	Thực hiện di dời 41 hộ dân đến nơi an toàn	ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân	Đã xây dựng phương án đảm bảo an toàn cho khu vực dân cư

2. Những khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất

STT	Khu vực bị ảnh hưởng	Tổng số hộ dân bị ảnh hưởng
	Tổng số	4.661
I	Huyện Đà Bắc	1.106
1	Xã Nánh Nghê	210
2	Xã Yên Hòa	14
3	Xã Vầy Nưa	99
4	Xã Trung Thành	41
5	Xã Tú Lý	113
6	Xã Tiên Phong	111
7	Xã Tân Pheo	52
8	Xã Tân Minh	80
9	Xã Mường Chiềng	67
10	Xã Giáp Đất	29
11	Xã Đồng Ruộng	92
12	Xóm Mới; Nà Lốc; Cò Phụng; Nhạp	111
13	Xã Đoàn Kết	33
14	Xã Cao Sơn	50
15	Xóm Rãnh; Phú	4
II	Huyện Tân Lạc	795
1	Xã Vân Sơn	389
2	Xã Từ Nê	12
3	Xã Ngọc Mỹ	146
4	Xã Nhân Mỹ	26
5	Xã Ngổ Luông	17
6	Xã Suối Hoa	52
7	Xã Phong Phú	11
8	Xã Phú Cường	101
9	Xã Mỹ Hòa	0
10	Xã Lỗ Sơn	18
11	Xã Gia Mô	0
12	Xã Quyết Chiến	4
13	Thị trấn Mãn Đức	14

STT	Khu vực bị ảnh hưởng	Tổng số hộ dân bị ảnh hưởng
14	Xã Phú Vinh	3
15	Xã Đông Lai	1
16	Xã Thanh Hối	1
III	Huyện Cao Phong	236
1	Xã Thung Nai	35
2	Xã Nam Phong	90
3	Xã Bắc Phong	5
4	Xã Thạch Yên	46
5	Xã Bình Thanh	18
6	Xã Hợp Phong	20
7	Xã Tây Phong	6
8	Xã Dũng Phong	10
9	Thị trấn Cao Phong	4
10	Xã Thu Phong	2
IV	Huyện Lạc Thủy	605
1	Xã Khoan Dụ	456
2	Xã Yên Bồng	62
3	Xã Hưng Thi	47
4	Phú Nghĩa	40
V	Huyện Lương Sơn	37
1	Khu dân cư xóm Rỗng Vòng, xã Lâm Sơn, huyện Lương Sơn	37
VI	Huyện Mai Châu	876

STT	Khu vực bị ảnh hưởng	Tổng số hộ dân bị ảnh hưởng
1	Xã Tân Thành	134
2	Xã Cùn Pheo	41
3	Xã Mai Hịch	156
4	Xã Sơn Thủy	142
5	Xã Thành Sơn	83
6	Thị trấn Mai Châu	99
7	Xã Tòng Đậu	90
8	Xã Nà Phòn	30
9	Xã Vạn Mai	101
VII	Huyện Lạc Sơn	65
1	Xã Yên Nghiệp	7
2	Xã Tuân Đạo	47
3	Xã Quý Hòa	1
4	Xã Tân Lập	10
VIII	Huyện Yên Thủy	857
1	Xã Lạc Sỹ	106
2	Xã Bảo Hiệu	82
3	Xã Hữu Lợi	4
4	Xã Đoàn Kết	232
5	Xã Lạc Thịnh	68
6	Xã Phú Lai	65
7	Xã Lạc Lương	38
8	Xã Ngọc Lương	241
9	Xã Đa Phúc	21
IX	Huyện Kim Bôi	84
1	Xã Cuối Hạ	26
2	Xã Vĩnh Tiến	9
3	Xã Tú Sơn	13
4	Xã Hùng Sơn	1
5	Xã Nuông Dăm	6
6	Xã Kim Bôi	8
7	Thị trấn Bo	16
8	Xã Mỹ Hòa	5

3. Công tác phòng, chống lũ quét, sạt lở đất của địa phương:

- Lãnh đạo tỉnh đã có sự chỉ đạo sâu sát, cụ thể đến các địa bàn bị thiệt hại do thiên tai, đặc biệt khi xảy ra sạt lở, lũ quét là điều kiện quyết định đến hiệu quả và tiến độ của công tác ứng cứu sự cố thiên tai. Sự phối hợp thống nhất, khẩn trương giữa Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, Ban chỉ huy PCTT&TKCN các huyện, thành phố và các Sở, ban, ngành trong triển khai thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai đã góp phần vào việc giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra

- Việc thiết lập hệ thống cảnh báo mưa (các trạm đo mưa tự động), hệ thống cảnh báo sớm lũ quét, sạt lở đất là rất quan trọng. Hiện trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đã có 21 trạm đo mưa tự động được lắp đặt tại 11 huyện thành phố. Trong thời gian tới, dự kiến đề nghị lắp thêm 10 trạm đo mưa tự động bổ sung tại các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai

4. Công tác ứng phó với lũ quét, sạt lở đất và khắc phục hậu quả:

- Trong công tác phòng chống thiên tai, sự chủ động của các đơn vị, địa phương triển khai theo phương châm 4 tại chỗ, công tác chỉ đạo kiên quyết, sự đồng thuận của người dân trong việc ứng phó thiên tai, chủ động di dời khỏi vùng nguy hiểm cũng là yếu tố quyết định đến hiệu quả công việc. Đặc biệt là trong công tác di dời dân khỏi vùng nguy hiểm; công tác huy động lực lượng giúp đỡ người dân trong việc di dời cũng như việc bảo vệ trật tự, trị an trong quá trình di dời

5. Những vấn đề quan tâm nhất của địa phương về lũ quét, sạt lở đất:

- Các thiết bị để cảnh báo mưa lũ, sạt lở đất nhằm đưa ra các cảnh báo sớm để có phương án ứng phó phù hợp

- Xây dựng bản đồ chi tiết về các khu vực có nguy cơ sạt lở, lũ quét, lũ ống tại địa phương

- Hỗ trợ kinh phí để khắc phục, phục hồi các công trình công cộng bị hư hỏng do lũ, lũ quét, sạt lở đất gây ra; bố trí kinh phí để xây dựng, di dời dân đến nơi an toàn khi có thiên tai xảy ra

6. Kinh nghiệm về phòng, chống lũ quét, sạt lở đất tại địa phương:

- Vận dụng hợp lý các quy định của Nhà nước trong việc triển khai khắc phục hậu quả lũ lụt, thực hiện các biện pháp đồng bộ trong quá trình xây dựng các khu tái định cư, phân công cụ thể cho các Sở, ngành trực tiếp phối hợp cùng các địa phương cũng đã góp phần đẩy nhanh được tiến độ di dân tái định cư tại các vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai

- Sự phối hợp nhịp nhàng giữa chính quyền các cấp với địa phương để sớm ổn định đời sống cho nhân dân sau thiên tai là điều tất yếu tạo nên tính bền vững cho công tác khắc phục hậu quả sau thiên tai, là tiền đề cho công tác phòng chống thiên tai đặc biệt là khi xảy ra sạt lở, lũ quét người dân mất nhà ở. Cần có chính sách hỗ trợ kịp thời để động viên người dân, tránh sự hoang mang lo sợ

- Chủ động huy động các nguồn lực của địa phương đồng thời với việc tranh thủ sự giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương trong việc khắc phục bước đầu hậu quả thiên tai, ổn định đời sống nhân dân, khôi phục sản xuất

- Công tác tuyên truyền về phòng chống thiên tai được đặt lên hàng đầu, nâng cao nhận thức của cộng đồng về phòng chống thiên tai là rất cần thiết và cấp bách để người dân nhận biết được các rủi ro thiên tai có thể xảy ra từ đó chuẩn bị các biện pháp phòng tránh

7. Các kiến nghị

- Sớm xây dựng một đề án mang tính tổng thể về ứng phó, khắc phục thiên tai cho khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc, trong đó chú trọng hệ thống cảnh báo sớm về thiên tai, hệ thống thông tin liên lạc nhằm đảm bảo ổn định đời sống, nơi ở an toàn và sinh kế bền vững cho nhân dân các dân tộc khu vực này;
- Xem xét bổ sung, điều chỉnh đảm bảo tính rõ ràng và minh bạch các quy định về thẩm quyền và trình tự thủ tục của việc xây dựng công trình theo lệnh khẩn cấp quy định tại Luật Xây dựng để tạo cơ sở pháp lý cho các địa phương quyết định xây dựng công trình phòng chống thiên tai;
- Về chính sách hỗ trợ di dân tái định cư được quy định tại quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ cho các hộ gia đình trong vùng có nguy cơ thiên tai còn thấp. Đề xuất Chính phủ xem xét nâng mức hỗ trợ di dời cho các hộ dân, cụ thể:
 - + Mức hỗ trợ cho các hộ gia đình trong vùng có nguy cơ thiên tai di chuyển nội vùng tối thiểu 50 triệu đồng/hộ;
 - + Mức hỗ trợ cộng đồng bố trí dân cư xen ghép tối thiểu 100 triệu đồng/hộ
- Xem xét triển khai ứng dụng các tiến bộ về khoa học công nghệ trong công tác cảnh báo sớm về thiên tai; Nâng cao năng lực dự báo nhằm giúp các địa phương chủ động trong công tác ứng phó với thiên tai.
- Do nguồn Ngân sách tỉnh hạn hẹp, đề nghị xem xét bổ sung hỗ trợ kinh phí để sửa chữa, phục hồi các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng cơ sở bị thiệt hại do thiên tai cho tỉnh đảm bảo an toàn, tránh tình trạng hư hỏng kéo dài qua các năm gây mất an toàn các hồ, đập thủy lợi; kinh phí cho công tác đào tạo, tập huấn đề án 1002 cho địa phương để tăng cường các lớp tập huấn cho cán bộ cấp xã và người dân vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai.